

KIẾN THỨC LỚP 9

BÀ HUYỆN THANH QUAN, NGƯỜI ĐI DỌC NHỮNG ĐÈO NGANG

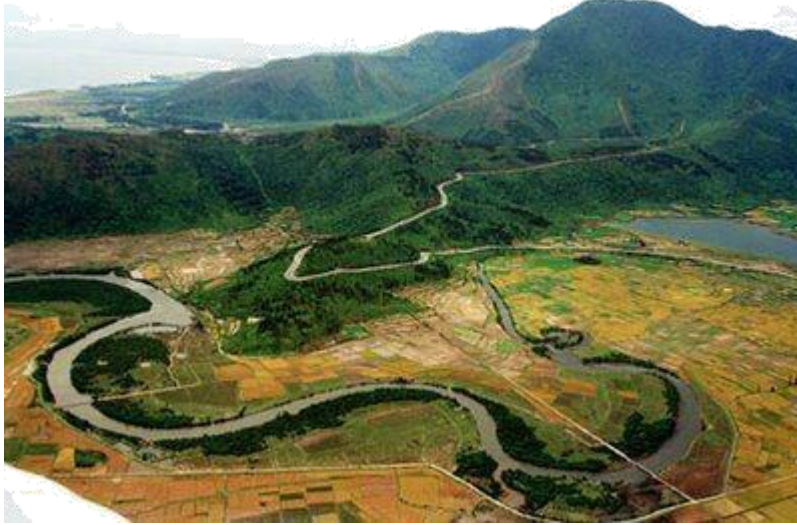
BÀI LÀM

Bà Huyện Thanh Quan là người không chỉ bị cuốn hút bởi sự suy tàn, mà còn thấy được cả vẻ đẹp của suy tàn. Điều này thường trực trong thi phẩm đến mức thành ám ảnh. Ám ảnh đó ẩn chứa một xung năng vô thức mạnh mẽ mà phân tâm học gọi là bản năng chết (thanatos).

Dừng chân đứng lại: trời, non, nước

Một mảnh tình riêng ta với ta

Bà Huyện Thanh Quan



Cảnh Đèo Ngang.

1. Năm 1802, sau khi thống nhất cả nước, Nguyễn Ánh lên ngôi, lấy hiệu Gia Long và định đô ở Huế. Từ đó, Thăng Long mất địa vị đầu não của đất nước về chính trị và văn hóa. Thậm chí, chữ *long* trong tên gọi Thăng Long vốn là rồng, biểu tượng vương quyền và lý do chọn đô của Lý Thái Tổ, cũng bị đổi thành chữ long là *thịnh*.

Sự hạ thấp này hẳn làm đau lòng dân chúng Bắc Hà, nhất là các sĩ phu, những người từng ăn lộc nhà Lê như

Nguyễn Du, Phạm Quý Thích, thầy học của Nguyễn Lý, thân sinh Bà Huyện Thanh Quan. Nỗi đau ấy, về sau, hẳn còn gia tăng khi cố đô Thăng Long bị đổi thành tỉnh Hà Nội vào năm Minh Mệnh thứ 12 (1831): Kinh thành ngày ấy tỉnh bây giờ!

Năm 1813, trên đường đi sứ Trung Hoa, qua Thăng Long, chứng kiến những đổi thay nơi mình đã từng sống suốt tuổi hoa niên, Nguyễn Du cảm khái:

Thiên niên cự thất thành quan đạo

Nhất phiến tân thành một ổ cung

(Nhà lớn nghìn năm thành đường cái

Một mảnh tân thành mất cung xưa)

Nhìn Thăng Long bây giờ, thi nhân nhớ về một Thăng

Long ngày xưa. Một nỗi nhớ với từng chi tiết cụ thể, đối lập nhau như *nhà/đường, thành/cung, mới/xưa*. Và nỗi nhớ càng chi tiết, cụ thể bao nhiêu thì càng chứng tỏ nỗi đau mất biểu tượng ấy lớn bấy nhiêu. Đó là nguồn gốc và cũng là nội dung của một tâm thức chung về sau được gọi là tâm sự hoài Lê mà một lớp người đã từng sống với hoàng triều đeo đẳng.

2. Bà Huyện Thanh Quan (1) là người Thăng Long chính gốc, dù bản thân chưa từng sống với nhà Lê, nhưng hít thở cái tâm thức chung ấy của thời đại, hẳn cũng không tránh khỏi cái tâm sự hoài Lê. Một lần, Qua chùa Trấn Bắc (2), thi nhân thấy:

Trấn Bắc hành cung cỏ dãi dầu

Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau

Một tòa sen rót hơi hương ngự

Năm thức mây phong nếp áo châu

Sóng lớp phé hưng coi như rộn

Chuông hồi kim cổ lắng càng mau

Người xưa cảnh cũ nào đâu tá?

Ngo ngẩn lòng thu khách bạc đầu. (3)

Trần Bắc là một hành cung cũ đời Hậu Lê, xưa chúa Trịnh thường đem văn võ bá quan, hoặc cung nữ, tới thưởng ngoạn cảnh Hồ Tây và bày những trò vui nhộn. Vậy mà nay đã trở nên tiêu điều, vắng vẻ, cỏ dại dầu. Từ đó, thi nhân chạnh nghĩ về nhà Lê Trịnh, như một niềm cố quốc. Chữ *chạnh* ở đây chỉ là nhân mà nghĩ, do điều gì đó gợi ra mà nghĩ chứ không phải lúc nào cũng đau đầu như những cựu thần nhà Lê. Hơn nữa, thi nhân cũng không nghĩ về chính cái nước cũ ấy, mà chỉ nghĩ đến nó như một niềm,

một tâm sự.

Đọc thơ Thanh Quan, nhiều người thắc mắc, sao thi nhân đang sống trên đất nước mình mà lại luôn luôn nói về cố quốc ("Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau"), luôn nhớ nước ("Nhớ nước đau lòng con quốc quốc")? Có vẻ như có một mâu thuẫn logic nào đó. Thực ra, về mặt xã hội, Bắc Hà (Đàng Ngoài) luôn được coi như một "nước" so với Nam Hà (Đàng Trong) (Xem Hoàng Lê nhất thống chí). Hơn nữa, về mặt tâm lý, cùng một thực tại mà không cùng một khoảnh thời gian thì thực tại đó chưa hẳn đã như nhau. Bởi thế, Nguyễn Bính mới "ở Ngự Viên mà nhớ Ngự Viên".

Và, cũng bởi thế, Bà Huyện Thanh Quan nhìn hiện tại mà nhớ đến quá khứ. Thậm chí, nỗi nhớ làm con người như

rơi vào ảo giác. Thi nhân thấy quá khứ: một toà sen thơm hơi hương vua còn rớt và năm thức mây lưu lại nếp áo châu. Sự hoài niệm đã xáo trộn thời gian, biến quá khứ thành hiện tại. Đây là một nét đậm, một nhịp mạnh trong thơ Thanh Quan. Nó không chỉ tạo ra một cảm hứng thế sự, mà còn tạo ra cái nhìn thế giới và cái nhìn nghệ thuật trong thơ bà.

Bà Huyện Thanh Quan sống trong một thời đại (lớn) đầy biến động. Nhà Lê/Mạc, chúa Trịnh/Nguyễn, Tây Sơn/Nguyễn Ánh liên tiếp xuất hiện và liên tiếp sụp đổ. Nguyễn Du, một chứng nhân của thời đại ấy, đã phải thốt lên: "Cổ kim bất kiến thiên niên quốc" (Xưa nay chưa từng thấy triều đại nào tồn tại nghìn năm cả). Bà Huyện Thanh Quan cũng sống trong một không gian nhiều đổi thay. Đó là Thăng Long. Theo quy luật động học văn hóa, trung

tâm bao giờ cũng thay đổi nhanh hơn và nhiều hơn ngoại biên. Hơn nữa, ở Việt Nam, mỗi triều đại mới lên ngôi thường phá hủy những công trình của triều đại trước để làm lại từ đầu. Trong một không - thời gian biến dịch như vậy, từ một cảnh quan cụ thể là chùa Trấn Bắc, Bà Huyện Thanh Quan dễ khái quát lên thành một quy luật xã hội:

Sóng lớp phé hưng coi đã rộ

Chuông hồi kim cổ lắng càng mau

Quy luật này không chỉ chi phối một cảnh quan nào đó của Thăng Long, mà Toàn bộ Thăng Long và qua đó toàn bộ non sông đất nước. Đây là sự thăng hoa của thơ Thanh Quan và càng ở những bài thơ sau thì sự thăng hoa này càng lớn. Vì thế, trong Thăng Long thành hoài cổ, tâm sự hoài Lê trong Bà Huyện Thanh Quan đã truu

tượng hóa thêm một bậc nữa:

Tạo hóa gây chi cuộc Lý Trường?

Đến nay thắm thoát mấy tinh sương

Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo, Nền

cũ lâu đài bóng tịch dương, Đá vẫn

trơ gan cùng tuế nguyệt, Nước còn

cau mặt với tang thương. Ngàn năm

gương cũ soi kim cổ.

Cảnh đày người đày luống đoạn trường.

Thi nhân trách *con tạo* (gây chi) biến cuộc đời thành sàn

diễn của những đổi thay. Thoạt tiên vẫn những đối lập

xưa/nay ấy: Xưa là lối xe ngựa đi về nhón nhịp thì nay chỉ

có cỏ thu phủ dày; xưa là lâu đài đường bệ mà nay chỉ còn

trơ lại nền cũ dưới ánh chiều tà. Rồi xuất hiện thêm

một đối lập khác nữa tự nhiên/nhân tạo. Ngày tháng (tuế nguyệt) trôi đi kéo theo những đổi thay (tang thương), nhưng đó là những đổi thay của thế giới nhân tạo, thế giới người, còn tự nhiên (đá, nước) thì vẫn bất biến (trơ gan, cau mặt). Soi vào tấm gương vĩnh hằng của tự nhiên, đời sống nhân tạo từ xưa đến nay (kim cổ) càng trở nên giả tạm và thoáng chốc. Con người đối diện với cảnh tượng này (cảnh đày, người đày) được thức nhận, tinh táo hơn so với con người ảo giác ở chùa Trấn Bắc. Nhưng, vì thế, cũng đau khổ hơn. Và cô đơn hơn.

Đến đây, có thể nói, cái chữ tâm sự hoài Lê ở Bà Huyện Thanh Quan, nếu có thì cũng đã dần dần trở nên rỗng nghĩa, mất nội dung cụ thể. Thăng Long thời Lê chỉ còn là một biểu tượng của một quá khứ vàng son đã một đi không trở lại. Thậm chí chỉ còn là biểu tượng của một dĩ vãng chung chung một hoài niệm, một nỗi nhớ về nỗi nhớ.

Nỗi nhớ cấp hai này tạo thành nội dung sống của Bà Huyện Thanh Quan.

3. Được gọi vào Huế làm Cung Trung Giáo Tập, Bà Huyện Thanh Quan giã từ Thăng Long. Những tưởng rằng sự thay đổi không gian sẽ làm thay đổi thời gian. Vạn lạy không gian xóa những ngày (Hàn Mạc Tử). Nhưng hóa ra phong cảnh không lay chuyển được tâm cảnh, mà, ngược lại, còn bị tâm cảnh nhuộm màu. Điều này có thể thấy rõ khi thi nhân Qua Đèo Ngang:

Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà

Cỏ cây chen đá lá chen hoa

Lom khom dưới núi tiêu vài chú

Lác đác ven sông chợ mấy nhà

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỗi miệng cái gia gia

Dừng chân đứng lại: trời, non, nước

Một mảnh tình riêng ta với ta.

Cảnh Đèo Ngang thật khác xa với cảnh Thăng Long.

Nhiều thiên nhiên hơn, ít nhân tạo hơn. Nhìn gần, thi nhân thấy thiên nhiên cũng chen chúc. Một mặt, cái hữu sinh (cỏ cây) lấn át cái vô sinh (đá), mặt khác, trong giới, hữu sinh, cái thô lậu hơn (lá) lại lấn át cái tinh tế hơn (hoa).

Còn nhìn xa: vạn vật thu nhỏ như trong hòn non bộ. Con người thì nhỏ nhoi, cực nhỏ (Lom khom dưới núi tiều vài chú), nơi "vui như chợ", "đông như chợ" thì cũng lại thưa thớt (Lác đác ven sông chợ mấy nhà). Thật khác xa với cảnh chen chúc của thiên nhiên. Thực ra, cảnh Đèo Ngang rất hùng vĩ, nhưng trong con mắt tâm trạng của nhà thơ đã trở thành cảnh mọn, thậm chí tiêu điều. Chẳng

khác gì sự tiêu điều của Thăng Long. Nội tâm đã chi phối ngoại cảnh.

Đứng trên đỉnh Đèo Ngang, nghe tiếng cuốc kêu, Bà Huyện Thanh Quan nhớ đến nước; nghe chim da da (đa đa, bát cát quả cà, bắt cô trói cột...) kêu, thi nhân thấy thương nhà. Niềm hoài cổ luôn chờ chực sẵn, còn sự đồng âm kia (cuốc là chim và quốc là nước, da da là chim và gia là nhà) chỉ là một cái cớ. Đến đây, thiên nhiên vốn chen chúc tạo thành một hợp thể ở chân đèo, rã ra thành những yếu tố riêng rẽ: trời, non, nước. Và con người cũng trở thành một yếu tố đơn lẻ, ngậm một mảnh tình riêng mà chỉ biết chia sẻ với chính mình (ta với ta).

Bà Huyện Thanh Quan, như vậy, đã vượt qua được một Đèo Ngang địa lý mà không qua nổi một Đèo Ngang tâm

lý. Tâm tình hoài cổ vẫn là hành trang của bà trên đường vào Huế. Thậm chí, hành trang ấy càng đi xa càng trở thành một gánh nặng. Nỗi nhớ Thăng Long, nhớ về nỗi nhớ Thăng Long đè nặng tâm hồn người lữ thứ, trở thành nỗi nhớ nhà mỗi khi chiều về trên con đường thiên lý:

Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn

Tiếng ốc xa đưa lẫn trống dồn

Gác mái ngư ông về viễn phố

Gõ sừng mục tử lại cô thôn

Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi

Dặm liễu sương sa khách bước dồn

Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ

Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn.

Chiều hôm nhớ nhà là một tâm trạng cổ hữu, thường

hàng của động vật, của con người. Mỗi khi ngày hết, mọi sinh linh đều tìm về nhà, tổ ấm, chốn nương thân để được che chở nghỉ ngơi. Bằng những động tác dứt khoát, sắc khoái (gác mái, gõ sừng), ngư ông và mục tử ra về. Và tuy là bến xa (viễn phố) và thôn lẻ (cô thôn), nhưng họ còn có nơi để mà về. Còn con người lũ thú kia, giống như con chim bạt gió, mặc dù đang dần bước nhưng không có nhà để mà về. Chỉ có sự nhớ nhà, sự nhớ về sự nhớ nhà. Bởi thế, đường đi không bao giờ kết thúc. Bởi thế lũ khách trở thành một trường lũ, một người đi.

4. Nếu lâu đài ngôn ngữ thơ Hồ Xuân Hương được xây dựng bởi những động từ chỉ hành động, tính từ chỉ phẩm chất, và trạng từ chỉ cách thức và mức độ thì tháp (ngà) thơ Bà Huyện Thanh Quan lại chỉ được kiến tạo bằng những danh từ mà phần lớn lại là danh từ Hán Việt: tạo

hóa, hý trường, tinh sương, thu thảo, tịch dương, tuế nguyệt, tang thương, kim cổ, đoạn trường, cố quốc, phé hưng, hoàng hôn, ngư ông, mục tử, viễn phố, cô thôn, chương đài, lữ thứ, khoáng dã, bình sa... Nhiều câu thơ của Thanh Quan dường như chỉ là sự ghép lại của những danh từ:

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương

Danh từ chỉ sự vật ở cấp độ khái niệm. (Ví dụ, nói đến từ bàn, ta hình dung đó là một mặt phẳng, có chân, được dùng để làm gì đó. Còn nếu biết cái bàn đó như thế nào thì phải thêm vào những định ngữ như cái bàn vuông, màu xanh, bằng gỗ, để viết...). Làm thơ bằng những danh từ, nghĩa là Bà Huyện nhìn sự vật ở những bản chất của

nó, bỏ qua tất cả những gì là cụ thể, sông động. Một người như thế là giữ một khoảng cách với cuộc sống, xa lánh cuộc đời, lẩn trốn hiện tại. Khoảng cách đó ở nhà thơ còn được nhân lên một lần nữa, bởi các danh từ của Thanh Quan toàn là danh từ Hán Việt.

Cùng chỉ một loài thực vật, nhưng cỏ (thuần Việt) và thảo (Hán Việt) gieo vào tâm trí bạn đọc những cảm xúc và tưởng tượng khác nhau. Cỏ bao giờ cũng gợi nhắc đến một thứ cỏ cụ thể nào đó. Nó đánh thức trong ta những kỷ niệm. Còn thảo thì chỉ là một âm vang xa xôi, trang trọng và nhoè nghĩa. Như vậy, sự khác nhau giữa từ thuần Việt và từ Hán Việt không đơn thuần ở sắc thái ngữ nghĩa, ở độ âm vang của con chữ, mà còn ở một cách nhìn.

Bà Huyện Thanh Quan thường nhìn cảnh vật vào mùa

thu: Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo, bằng tấm-lòng-con-mắt-thu: Ngỡ ngẩn lòng thu khách bạc đầu. Thậm chí, ngay cả khi thi phẩm không có chữ thu nào, thì bạn đọc vẫn cảm nhận được cảnh ấy, vật ấy đang thu: cỏ dãi dầu, toà sen rớt, thức mây phong, ngàn mai gió cuốn, dậm liễu sương sa, còi mục thét trắng, chài ngư tung gió... Một hồn thu ngấm trong từng con chữ phủ vào hồn người đọc: Hơi thu lạnh lẽo khí thu loà (Đỗ Phủ).

Cảnh thu ấy còn được thi nhân nhìn vào buổi chiều, trong bóng chiều tà. Trong 5 bài thơ chắc chắn là của Bà Huyện Thanh Quan thì có đến 4 bài có những từ khác nhau chỉ bóng chiều tà:

Bước tới Đèo Ngang bóng xế

tà (Qua Đèo Ngang)

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương

(Thăng Long thành hoài cổ)

Trời chiều bằng lăng bóng hoàng

hôn (Chiều hôm nhớ nhà)

Vàng tủa non tây bóng ác tà

(Nhớ nhà)

Với tần số xuất hiện cao như vậy, lại ở vào một vị trí đặc biệt (hầu hết đều ở cuối câu mở đầu thi phẩm), có thể nói, bóng chiều tà chính là từ-chìa khóa để mở vào những tòa lâu đài thơ Thanh Quan. Bóng chiều tà chính là lăng kính để thi nhân nhìn cuộc đời. Dưới bóng chiều tà, cảnh vật mùa thu vốn đã tiêu điều đổ nát càng thêm đổ nát tiêu

điều. Nhưng cũng trong ánh chiều tà ấy, sự vật lại bừng sáng lên lần cuối cùng cái huy hoàng của tàn tạ, để rồi vĩnh viễn lịm tắt.

Bà Huyện Thanh Quan không chỉ giữ một khoảng cách với cuộc đời, mà còn giữ khoảng cách với cả chính mình. Khi trên đỉnh Đèo Ngang, thi nhân nói với ta với ta là đã có sự phân thân. Ta tự chia ta thành một cái ta khác để chia sẻ mảnh tình riêng cho bớt cô đơn. Nhưng dấu sao chữ ta này cũng vẫn là nhân xưng ngôi thứ nhất. Tuy nhiên, điều này chỉ diễn ra một lần, khi cảm xúc của thi nhân lên đến đỉnh điểm. Còn ở tất cả những trường hợp khác, Bà Huyện Thanh Quan đều tự gọi mình ở ngôi thứ ba số ít. Một cách tự xa lạ hóa mình. Đó là người ("Cảnh đấy, người đây luống đoạn trường"); "Kẻ chốn Chương Đài người lữ thứ"), kẻ ("Mấy kẻ tình chung có thấu là...", đặc

biệt là khách ("Ngỡ ngẩn lòng thu khách bạc đầu"; "Dặm liễu sương sa khách bước dồn"; "Dặm liễu băng khuâng khách nhớ nhà").

Tự nhận mình là khách, Bà Huyện Thanh Quan không chỉ gián cách mình với mình, mà, quan trọng hơn, gián cách mình với cuộc đời. Bà khẳng định mình chỉ là một người khách đến với cuộc đời này. Đến rồi đi không có gắn bó gì hết. Nhất là ở đây và bây giờ. Điều này còn được thể hiện rõ một lần nữa qua nhan đề các bài thơ của thi nhân. Hai nhan đề có từ qua (Qua Đèo Ngang, Qua chùa Trấn Bắc), hai có từ nhớ (Chiều hôm nhớ nhà, Nhớ nhà), một có từ hoài (cổ), cũng là nhớ (Thăng Long thành hoài cổ). Như vậy, khoảng cách giữa thi nhân và cuộc đời được thiết lập ở cả ba cạnh khía: qua : không gian; hoài cổ: thời gian và nhớ nhà: tâm lý. Nghĩa là, người lữ khách ấy chỉ có đi qua

cuộc đời, không ghé lại đây để rồi chỉ có nhớ, hoài, nhớ
hoài, hoài nhớ.

5. *Mùa thu là mùa tàn của một năm*

Chiều tà là giờ tàn của một ngày.

Thơ Bà Huyện Thanh Quan là thơ mùa thu và chiều tà.

Thời gian tàn tạ ấy lại gắn với không gian đồ nát: một tòa thành cổ, một ngôi chùa hoang vắng, lối xưa nền cũ của những lâu đài cung điện, một cảnh đèo heo hút, hoang vu, một bến sông xa, một bãi cát rộng, một con đường...

Cảnh vật trong không - thời gian ấy đều hướng tới một sự suy tàn, tiêu vong. Mặc dù buồn về những cảnh tượng như vậy, nhưng thi nhân vẫn thấy được vẻ đẹp của sự tiêu vong. Thậm chí, càng tàn tạ càng bừng lên một vẻ đẹp khó hiểu. Tâm trạng này cũng giống như cái nhìn của

Tản Đà sau này: "Lá sen tàn tạ trong đầm/Lặng mang giọt lệ âm thầm khóc hoa" (Cảm thu tiễn thu). Tâm lý như vậy hẳn ẩn sâu bên trong một xung năng vô thức nào đó.

Thơ Bà Huyện Thanh Quan còn là sự lặp đi lặp lại dài dài những vấn đề tư tưởng nghệ thuật ở cả phương diện vĩ mô lẫn phương diện vi mô. Trước hết là sự trùng lặp về chủ đề: cả 5 bài thơ đều là sự hoài niệm quá khứ.

Cảnh tượng, phong cảnh đều là mùa thu và chiều tà.

Tâm cảnh đều là sự nhớ nước, thương nhà. Nhân vật trữ tình bao giờ cũng là người đi. Sau đó là sự lặp lại của từ ngữ như thu, bóng xế tà, kim cổ (gương cũ soi kim cổ chuông hồi kim cổ), cỏ (cỏ dãi dầu; cỏ cây chen đá)...

Đặc biệt là sự lặp lại với tần số cao những từ chỉ tâm trạng của tác giả: niềm cố quốc, nhớ nước, thương nhà, nỗi hàn ôn, kẻ tình chung, mảnh tình riêng... Như vậy, Bà

Huyện Thanh Quan là người không chỉ bị cuốn hút bởi sự suy tàn, mà còn thấy được cả vẻ đẹp của suy tàn. Điều này thường trực trong thi phẩm đến mức thành ám ảnh. Ám ảnh đó ẩn chứa một xung năng vô thức mạnh mẽ mà phân tâm học gọi là bản năng chết (thanatos).

Đến đây, người ta bỗng thấy ý nghĩa sâu xa, nhiều tầng lớp trong nỗi buồn, sự hoài niệm quá khứ, sự cách vời cuộc sống hiện tại của Bà Huyện Thanh Quan. Căn cốt của nỗi buồn đó là sự cuốn hút của thi nhân về phía thanatos, sự nghỉ ngơi vĩnh cửu, sự yên tĩnh đời đời. Còn nỗi buồn về thế sự đổi thay, mọi thứ đều giả tạo, mong manh, thoáng chốc chỉ là "bản chất hàng hai", nói theo ngôn từ của triết gia Trần Đức Thảo. Như vậy, cái "tâm sự hoài Lê" kia chỉ là tấm áo khoác, là duyên cớ, hay "bản chất hàng ba", cái trên cùng, bề mặt.

6. Như vậy, với sự hướng về bản năng chết, Thanh Quan càng là một đối tượng của Hồ Xuân Hương. Sự đối trọng trên mọi cấp độ. Thơ Xuân Hương, như đã nói, được kiến tạo bằng những động từ chỉ hành động, thậm chí hành động cơ bản nhất của con người như đập, móc, xuyên..., bằng tính từ chỉ phẩm chất, trạng từ chỉ cách thức và mức độ cùng cực. Hồ Xuân Hương, bởi thế, là người áp sát với đời sống, người không khoảng cách với cuộc đời, người nhìn cuộc đời trong sự chuyển động, sự vận động không ngừng của nó, trong màu sắc, hình khối, kích thước, âm thanh của nó. Đó là một thi nhân yêu sự sống, tôn sùng sự sống. Hồ Xuân Hương là người có một bản năng sống (éros) mạnh mẽ.

Hồ Xuân Hương, bởi thế, không chịu nằm yên trong

khuôn khổ thơ Đường, một thể loại thơ trang nghiêm, hài hòa đến tuyệt đối. Thi nhân đưa vào thơ mình vô vàn những chi tiết tỉ mỉ, cụ thể, thậm chí sống sít của đời sống, những từ láy đôi láy ba hết sức thừa thãi, những từ vận hiểm hóc, thách đố, đặc biệt những cặp câu thực và luận, mặc dù đôi vần rất chỉnh, nhưng ít nhiều đã ngã sang đôi xứng để ám chỉ những chuyện tính giao nam nữ như:

Trai du gốc hạc khom khom cột

Gái uốn lưng ong ngửa ngửa

lòng (Đánh đu)

Hai chân đạp xuống năng năng

nhắc Một suốt đêm ngang thích

thích mau (Dệt cửi)

Toàn bộ thơ Hồ Xuân Hương nhìn chung, vừa tuân theo những nguyên tắc, luật lệ của thơ Đường vừa chống lại nó. Bà đã phá vỡ tính đơn giản, kiệm từ, trang trọng cách vèi của nó. Tuy nhiên, đó chỉ là sự phá vỡ cái hài hòa cục bộ, tức nội bộ bài thơ, để sau đó lại thiết lập nên một hài hòa mới, rộng hơn, giữa bản thân bài thơ và vũ trụ quanh bài thơ đó. Vì thế, Hồ Xuân Hương đã sáng tạo ra một thứ thơ Đường luật mới.

Đó là tinh thần *eros*.

7. Bà Huyện Thanh Quan, ngược lại, vẫn trung thành với thể thơ luật Đường chính thống. Thơ Thanh Quan được làm bằng những danh từ, lại là danh từ Hán Việt, nên tạo ra được một sự sang trọng, cách vèi, thâm chí uy nghi đường bệ. Thơ bà hoàn toàn không có các nối từ, "từ

nước", mà toàn những từ "đặc". Phép tính lược được vận dụng đến mức tối đa. Không gian và thời gian thống nhất với nhau. Con người và vũ trụ thống nhất với nhau. Mỗi bài thơ là một thế giới thống nhất, biệt lập, tự trị. Năm bài thơ cũng tạo thành một thế giới thống nhất biệt lập và tự trị. Một Ngũ Hành Sơn trên cánh đồng thơ Việt.

Thơ Đường Bà Huyện Thanh Quan, điều quan trọng là vẫn giữ được hồn Đường. Đây là điều ít nhà thơ đạt được, kể cả những thi nhân Trung Hoa sau Đường. Bởi vậy, nếu nói về việc làm thơ nôm Đường chuẩn nhất, Đường nhất ở Việt Nam thì thứ nhất phải kể đến Bà Huyện Thanh Quan. Sự Việt hóa thơ Đường ở thi nhân, nếu có, chính là việc nhà thơ kín đáo để lộ nữ tính của mình vào bài thơ. Thi nhân nói nhiều đến mai, liễu vốn là những từ chỉ phụ nữ trong thi liệu Đông phương.

Nguyễn Du đã từng khen chị em Thuý Kiều là mai cốt cách tuyệt tinh thần, rồi Bồ liễu thôi đành phận mỏng manh. Đặc biệt hơn, Bà Huyện Thanh Quan khi dùng chữ kể chốn Chương Đài thì đã nói về liễu Chương Đài, về người phụ nữ. Ngoài ra, thơ Thanh Quan cũng nói nhiều đến cỏ, thứ thực vật rất gần với thân phận phụ nữ. Chính nữ tính này của thi nhân đã làm mềm hóa, thân mật hóa thể thơ Đường luật vốn trang nghiêm, đôi lúc đến lạnh lùng.

Nét riêng nữa của thơ Đường Thanh Quan là xuất hiện thực hiện người lữ thứ. Người-đi-đường-chứng-kiến kể lại những "điều trông thấy" của mình, cảm xúc của mình, nỗi buồn nhớ của mình bằng một giọng điệu tâm tình, thủ thỉ, thỉnh thoảng lại xen tiếng thở dài, nhưng cũng không hiếm

khi có sự nồng ấm của thân xác (như khi gọi niềm tâm sự của mình là nỗi hàn ôn!). Thơ Đường, do ảnh hưởng của Thiền học, vốn là một thứ mỹ học tĩnh. Nhưng với sự xuất hiện con người lữ thứ, thơ Đường Thanh Quan đã bắt đầu có sự chuyển dịch, tuy còn rụt rè về phía động. Đó là ảnh xạ của ý thức cá nhân đã bắt đầu thức tỉnh trong lớp người tài tử đương thời.

Tuy số lượng bài để lại không nhiều, nhưng, có thể nói, thơ Thanh Quan là những dấu son của thơ Việt Nam trung đại. Nghĩ đến Bà Huyện Thanh Quan tôi cứ nghĩ tới bức chân dung *Người đàn bà xa lạ* của họa sĩ Nga Kramskoi; ngồi bất động trên xe ngựa và sau lưng là kinh thành Peterburg mù sương. Cũng đẹp một vẻ đẹp sang trọng, đài các và cách vờn như thế. Còn nghĩ đến thơ bà, tôi mừng tượng đến một chiều thu, khi mặt trời đã tắt,

nhưng còn hắt lên nền trời những dải sáng vàng rực,
thuần khiết, và người thợ trời nào đã cắt dải sáng đó
thành những bài thơ Bà Huyện Thanh Quan.